



VMPACK

Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2019**

TP.HCM, tháng 10 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 09 năm 2019	2 - 3
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	4
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	5 - 6
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	7 - 22
6. Phụ lục 01	23
7. Phụ lục 02	24

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN	100		330.011.524.265	307.070.349.239
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.121.067.273	1.973.690.547
1.	Tiền	111		26.121.067.273	1.973.690.547
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		-	-
3.	Đầu tư vào công ty con	123		-	-
4.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	124		-	-
5.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	125		-	-
III.	Các khoản phải thu	130		394.770.580	627.566.771
1.	Phải thu của khách hàng	131	V.2	369.770.580	429.516.771
2.	Trả trước cho người bán	132		25.000.000	198.050.000
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133		-	-
4.	Phải thu nội bộ	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay	135		-	-
6.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	136		-	-
7.	Phải thu khác	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	138		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.3	1.018.418.210	1.018.418.210
V.	Tài sản cố định	150		248.373.762.364	248.568.054.999
1.	Tài sản cố định hữu hình	151	V.4	242.857.291.574	243.051.584.209
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	152		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	153	V.5	5.516.470.790	5.516.470.790
VI.	Bất động sản đầu tư	160		-	-
VII.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	170	V.6	-	-
VIII.	Tài sản khác	180		54.103.505.838	54.882.618.712
1.	Chi phí trả trước	181	V.7	47.339.867.263	48.214.155.784
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	182		6.477.033.033	6.381.857.386
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	183	V.10	286.605.542	286.605.542
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	184		-	-
5.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	185		-	-
6.	Tài sản khác	186		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		330.011.524.265	307.070.349.239

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019

Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	NỢ PHẢI TRẢ	300		266.165.654.692	227.015.661.308
1.	Phải trả người bán	311	V.8	1.215.300.000	1.340.155.210
2.	Người mua trả tiền trước	312	V.9	67.938.844.478	40.000.000.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	16.152.926	26.957.076
4.	Phải trả người lao động	314		71.494.000	-
5.	Chi phí phải trả	315	V.11	24.289.556.642	12.671.082.576
6.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			-	-
7.	Phải trả nội bộ khác	316		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
9.	Doanh thu chưa thực hiện	318		-	-
10.	Phải trả khác	319	V.12	150.377.500	155.164.100
11.	Vay và nợ thuê tài chính	320	V.13	172.443.358.740	172.673.358.740
12.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
13.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
14.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
15.	Dự phòng phải trả	321		-	-
16.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	40.570.406	148.943.606
17.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
18.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
19.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
C -	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63.845.869.573	80.054.687.931
I.	Vốn chủ sở hữu	410		63.845.869.573	80.054.687.931
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	149.988.170.000	149.988.170.000
-	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>149.988.170.000</i>	<i>149.988.170.000</i>
-	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415	V.15	(6.831.972)	(6.831.972)
6.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
7.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
8.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
9.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15	(86.135.468.455)	(69.926.650.097)
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>				
-	<i>lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>(69.926.650.097)</i>	<i>(69.926.650.097)</i>
-	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>(16.208.818.358)</i>	-
10.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		330.011.524.265	307.070.349.239



Nguyễn Hồng Thái
Người lập



Hoàng Bá Chính
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Quý 3 năm 2019

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuy ết số	Quý 3.2019		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.1	-	17.950.501.722	-	58.382.172.684
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02 VI.1	-	-	-	1.451.600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 VI.1	-	17.950.501.722	-	58.380.721.084
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.2	-	18.662.760.534	-	63.442.229.929
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	-	(712.258.812)	-	(5.061.508.845)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.3	203.230	737.395	1.682.706	3.523.854
7. Chi phí tài chính	22 VI.4	3.909.679.470	4.806.033	11.618.474.066	9.288.191.205
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	<i>3.909.678.470</i>	<i>4.806.033</i>	<i>11.618.474.066</i>	<i>9.288.191.205</i>
8. Chi phí bán hàng	24 VI.5	-	204.790.969	15.000.000	2.392.959.038
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 VI.6	1.035.663.984	2.920.549.177	4.257.040.572	7.772.879.890
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(4.945.140.224)	(3.841.667.596)	(15.888.831.932)	(24.512.015.124)
11. Thu nhập khác	31	-	182.735.634	524.798.274	190.741.668
12. Chi phí khác	32 VI.7	-	176.000.000	844.784.700	179.426.750
13. Lợi nhuận khác	40	-	6.735.634	(319.986.426)	11.314.918
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(4.945.140.224)	(3.834.931.962)	(16.208.818.358)	(24.500.700.206)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 V.13	-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(4.945.140.224)	(3.834.931.962)	(16.208.818.358)	(24.500.700.206)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VI.8	(330)	(256)	(1.081)	(1.634)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71 VI.8	(330)	(256)	(1.081)	(1.634)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2019

Nguyễn Hồng Thái
Người lập biểuHoàng Bá Chính
Kế toán trưởngHuỳnh Ngọc Nữ Phương Nga
Phó Giám đốc điều hành

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(16.208.818.358)	(24.500.700.206)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-	10.739.615.389
- Các khoản dự phòng	03		-	(588.903.167)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(514.798.274)	(3.523.854)
- Chi phí lãi vay	06		11.618.474.066	9.288.191.205
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(5.105.142.566)	(5.065.320.633)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		137.620.544	1.744.955.926
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	23.956.554.207
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(68.951.960)	1.516.971.158
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		874.288.521	1.521.263.902
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(4.379.547.972)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(108.373.200)	(81.958.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.270.558.661)	19.212.918.088
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(21.592.343.569)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		28.647.935.387	22.130.824.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	3.523.854
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		28.647.935.387	542.004.285

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	30.975.173.485
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(230.000.000)	(55.256.274.164)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(230.000.000)</i>	<i>(24.281.100.679)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		24.147.376.726	(4.526.178.306)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.973.690.547	5.061.077.680
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>26.121.067.273</u>	<u>534.899.374</u>



Nguyễn Hồng Thái
Người lập



Hoàng Bá Chính
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 201

Nguyễn Ngọc Phương Nga
Phó Giám đốc phụ trách điều hành

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán bao bì cho ngành thực phẩm; Mua bán vật tư nguyên liệu ngành bao bì.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Lý do không đáp ứng giả định hoạt động

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, Đại hội cổ đông bất thường đã thông qua Nghị quyết số 06/NQ-ĐHĐCĐ/2018 về việc giải thể của Công ty. Hiện tại, Công ty vẫn đang trong quá trình tiến hành các thủ tục cần thiết để giải thể Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở Công ty không đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số là Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật – Nhà máy Bao bì Bình Dương, địa chỉ tại Lô P7, P8, P9, P10 Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 06 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 09 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Chính sách tái phân loại tài sản và nợ phải trả

Do giả định về sự hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm báo cáo nên các tài sản và nợ phải trả dài hạn được tái phân loại thành tài sản và nợ phải trả ngắn hạn.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Việc trích lập dự phòng được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản phải thu.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán và ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của hàng tồn kho.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chỉ có tiền thuê đất.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (45 năm).

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 46
Máy móc và thiết bị	05 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15
Tài sản cố định hữu hình khác	10 - 20

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất (40 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Trường hợp có sự thỏa thuận giữa các bên bằng văn bản về số phải trả thì đánh giá lại nợ phải trả theo số thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận cụ thể thực hiện như sau:

- Nợ phải trả bằng tiền được đánh giá lại theo giá cao hơn giữa giá trị ghi sổ khoản nợ phải trả và giá trị khoản nợ trả trước thời hạn theo quy định của hợp đồng;
- Nợ phải trả bằng tài sản tài chính được đánh giá lại theo giá cao hơn giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ phải trả và giá trị hợp lý của tài sản tài chính đó tại thời điểm báo cáo;
- Nợ phải trả bằng hàng tồn kho được đánh giá lại theo giá cao hơn giữa giá trị ghi sổ khoản nợ phải trả và giá mua (cộng các chi phí liên quan trực tiếp) hoặc giá thành sản xuất hàng tồn kho tại thời điểm báo cáo;
- Nợ phải trả bằng tài sản cố định được đánh giá lại theo giá cao hơn giữa giá trị ghi sổ nợ phải trả và giá mua (cộng các chi phí liên quan trực tiếp) hoặc giá trị còn lại của tài sản cố định tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	13.016.472	92.290.990
Tiền gửi ngân hàng	26.108.050.801	1.881.399.557
Cộng	<u>26.121.067.273</u>	<u>1.973.690.547</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá đánh giá lại</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá đánh giá lại</u>	<u>Giá gốc</u>
Công ty TNHH Bao bì giấy HD	60.000.000	60.000.000	76.856.175	76.856.175
Công ty TNHH Công Nghiệp Vinhai	284.900.000	569.800.000	284.900.000	569.800.000
Các khách hàng ngành khác	24.870.580	24.870.580	67.760.596	67.760.596
Cộng	<u>369.770.580</u>	<u>654.670.580</u>	<u>429.516.771</u>	<u>714.416.771</u>

Khoản phải thu khách hàng được đánh giá lại dựa trên khả năng thu hồi trong tương lai.

3. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá đánh giá lại</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá đánh giá lại</u>	<u>Giá gốc</u>
Nguyên liệu, vật liệu	68.702.274	168.702.274	68.702.274	168.702.274
Công cụ, dụng cụ	949.715.936	949.715.936	949.715.936	949.715.936
Cộng	<u>1.018.418.210</u>	<u>1.118.418.210</u>	<u>1.018.418.210</u>	<u>1.118.418.210</u>

Hàng tồn kho được đánh giá lại dựa trên giá trị có thể thanh lý trong tương lai.

4. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 216.744.289.160 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Tại ngày 15 tháng 9 năm 2018, Công ty ký bổ sung phụ lục hợp đồng nguyên tắc với Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng và xác định giá trị chuyển nhượng tài sản quyền sử dụng đất đất và tài sản gắn liền với đất Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.152.082.020	819.348.490	7.971.430.510
Số cuối kỳ	7.152.082.020	819.348.490	7.971.430.510
<i>Trong đó:</i>			
Chờ thanh lý	7.152.082.020	819.348.490	7.971.430.510
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.635.611.230	819.348.490	2.454.959.720
Số cuối kỳ	1.635.611.230	819.348.490	2.454.959.720
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.516.470.790	-	5.516.470.790
Số cuối kỳ	5.516.470.790	-	5.516.470.790
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	5.516.470.790	-	5.516.470.790

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Tại ngày 15 tháng 9 năm 2018, Công ty ký bổ sung phụ lục hợp đồng nguyên tắc với Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng và xác định giá trị chuyển nhượng tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

6. Chi phí trả trước

Tiền thuê đất trả trước ở Khu công nghiệp Nam Tân Uyên.

Công ty đã thế chấp, cầm cố quyền sử dụng đất thuê với Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	1.000.000.000	1.230.155.210
Các nhà cung cấp khác	215.300.000	110.000.000
Cộng	1.215.300.000	1.340.155.210

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản ứng trước của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido (bên liên quan) để mua quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	286.605.542	-	-	-	286.605.542
Thuế thu nhập cá nhân	26.957.076	-	43.400.000	(54.204.150)	16.152.926	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	26.957.076	286.605.542	47.400.000	(58.204.150)	16.152.926	286.605.542

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật – Nhà máy bao bì Bình Dương kể từ năm đầu tiên Nhà máy có thu nhập chịu thuế, hoặc kể từ năm thứ tư Nhà máy có doanh thu.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(16.208.818.358)	(24.500.700.206)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	90.000.000	138.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(16.118.818.358)	(24.362.700.206)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

10. Chi phí phải trả

Chi phí lãi vay phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả khác

Cổ tức phải trả cho cổ đông chưa lưu ký.

12. Vay và nợ thuê tài chính

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để:

- Bổ sung vốn lưu động, với lãi suất theo giấy nhận nợ từng lần giải ngân, thời hạn vay dưới 6 tháng.
- Xây dựng nhà máy sản xuất bao bì giấy carton tại Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với lãi suất theo giấy nhận nợ từng lần giải ngân, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.4) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.5, V.6).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay từ thu nhập thanh lý tài sản hiện có.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	172.673.358.740	205.517.932.094
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	30.975.273.485
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(230.000.000)	(40.397.443.354)
Số cuối kỳ	<u>172.443.358.740</u>	<u>196.095.762.225</u>

Tổng số nợ vay quá hạn của Công ty là 37.582.709.619 VND.

Theo Biên bản làm việc ngày 20 tháng 3 năm 2019, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh sẽ trình Hội sở chính về việc miễn giảm lãi vay cho Công ty theo như các biên bản làm việc trước đây. Việc thu nợ lãi sẽ được hai bên thống nhất sau khi có quyết định chính thức của Hội sở chính.

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	124.479.474	(101.318.000)	23.161.474
Quỹ phúc lợi	24.464.132	(7.055.200)	17.408.932
Cộng	<u>148.943.606</u>	<u>(108.373.200)</u>	<u>40.570.406</u>

14. Vốn chủ sở hữu

14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	149.988.170.000	(6.831.972)	(30.069.748.225)	119.911.589.803
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(24.500.700.206)	(24.500.700.206)
Số dư cuối kỳ trước	<u>149.988.170.000</u>	<u>(6.831.972)</u>	<u>(54.570.448.431)</u>	<u>99.245.821.559</u>
Số dư đầu năm nay	149.988.170.000	(6.831.972)	(69.926.650.097)	80.054.687.931

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(16.208.818.358)	(16.208.818.358)
Số dư cuối kỳ này	<u>149.988.170.000</u>	<u>(6.831.972)</u>	<u>(86.135.468.455)</u>	<u>63.845.869.573</u>

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	76.572.820.000	76.572.820.000
PYN Elite Fund (Non - Ucits)	14.062.500.000	14.062.500.000
Các cổ đông khác	59.352.850.000	59.352.850.000
Cộng	<u>149.988.170.000</u>	<u>149.988.170.000</u>

14c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.998.817	14.998.817
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.998.817	14.998.817
- Cổ phiếu phổ thông	14.998.817	14.998.817
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	632	632
- Cổ phiếu phổ thông	632	632
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.998.185	14.998.185
- Cổ phiếu phổ thông	14.998.185	14.998.185
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

14d. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

14e. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 792,72 USD (số đầu năm là 792,72 USD).

14f. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bao bì Thiên Phúc Thành	46.809.476	46.809.476	Quá hạn thanh toán
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Trung	74.342.144	74.342.144	Quá hạn thanh toán
Công ty MTV Thương mại Dịch vụ Phi Long Phát	101.045.981	101.045.981	Quá hạn thanh toán
Các khách hàng khác	158.718.328	158.718.328	Quá hạn thanh toán
Cộng	<u>380.915.929</u>	<u>380.915.929</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	-	863.160.905
Cước vận chuyển	-	955.912.945
Chi phí dịch vụ khác	-	412.782.168
Chi phí khác	15.000.000	161.103.020
Cộng	15.000.000	2.392.959.038

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	968.511.635	2.748.771.811
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	309.464.577
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	45.436.500	58.617.700
Chi phí thuê đất	-	874.288.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.754.974.773	1.644.847.178
Chi phí khác	1.484.117.664	2.132.890.103
Cộng	4.257.040.572	7.772.879.890

3. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	514.798.274	-
Thu nhập khác	10.000.000	190.741.668
Cộng	524.798.274	190.741.668

4. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	734.734.700	-
Chi phí khác	110.050.000	179.426.750
Cộng	844.784.700	3.426.750

5. Lãi trên cổ phiếu

5a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(16.208.818.358)	(24.500.700.206)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(16.208.818.358)	(24.500.700.206)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	14.998.817	14.998.817
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(1.081)	(1.634)

5b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	26.241.350.938
Chi phí nhân công	968.511.635	8.755.456.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	9.985.440.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.754.974.773	5.343.899.070
Chi phí khác	1.548.554.164	2.637.840.963
Cộng	4.272.040.572	52.963.987.266

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư khoản tiền nhận trước liên quan đến việc thanh lý tài sản cố định là 67.938.844.478 VND (số đầu năm là 40.000.000.000 VND).

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 288.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 975.211.000 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tân Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu thực vật	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.8.

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Một số thông tin có liên quan đến việc giải thể Công ty như sau:

- Sau khi khi phương án giải thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty đã thực hiện công bố thông tin và thông báo đến từng chủ nợ về việc giải thể theo quy định pháp luật.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được sử dụng chia cho cán bộ, nhân viên trong quá trình giải thể.
- Số tiền có khả năng thu hồi từ thu hồi nợ phải thu, thanh lý hàng tồn kho, tài sản cố định dự tính bằng giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ phải thu, giá trị thanh lý của hàng tồn kho, tài sản cố định.
- Khả năng thanh toán nợ phải trả theo thứ tự ưu tiên: Công ty đủ khả năng trả các khoản nợ có tài sản đảm bảo, nợ ngân sách nhà nước cũng như các khoản phải trả người bán, phải trả khác.
- Khả năng thanh toán cho chủ sở hữu: Công ty có khả năng hoàn lại một phần vốn góp cho chủ sở hữu, dự kiến khoảng 4.500 – 5.000 đồng/cổ phiếu.
- Thời gian tiến hành thanh toán các khoản nợ phải trả và vốn chủ sở hữu: Các khoản vay và nợ phải trả được thanh lý theo sự thỏa thuận của các bên, vốn chủ sở hữu được hoàn lại cho chủ sở hữu khi hoàn tất thủ tục giải thể, thanh lý Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đang trong quá trình thương thảo với đối tác về việc chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị tại Nhà máy Bao bì Bình Dương tại Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2019



Nguyễn Hồng Thái
Người lập biểu



Hoàng Bá Chinh
Kế toán trưởng



Huyền Ngọc Nữ Phương Nga
Phó Giám đốc phụ trách điều hành

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT

Địa chỉ: Lô 6-12, Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, đường Nguyễn Ảnh Thủ, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/09/2019

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	93.840.124.147	161.775.150.248	5.751.038.543	721.303.650	19.600.506.397	281.688.122.985
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.522.318.182)	-	-	(1.522.318.182)
Số cuối kỳ	93.840.124.147	161.775.150.248	4.228.720.361	721.303.650	19.600.506.397	280.165.804.803
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-	-
Chờ thanh lý	93.840.124.147	161.775.150.248	4.228.720.361	721.303.650	19.600.506.397	280.165.804.803
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	8.899.894.823	23.911.165.561	2.821.010.540	717.138.543	2.287.329.309	38.636.538.776
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.328.025.547)	-	-	(1.328.025.547)
Số cuối kỳ	8.899.894.823	23.911.165.561	1.492.984.993	717.138.543	2.287.329.309	37.308.513.229
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	84.940.229.324	137.863.984.687	2.930.028.003	4.165.107	17.313.177.088	243.051.584.209
Số cuối kỳ	84.940.229.324	137.863.984.687	2.735.735.368	4.165.107	17.313.177.088	242.857.291.574
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	84.940.229.324	137.863.984.687	2.735.735.368	4.165.107	17.313.177.088	242.857.291.574


Nguyễn Hồng Thái
Người lập

Hoàng Bá Chính
Kế toán trưởng